

Bản án số: 728/2017/LĐ-PT

Ngày: 15/8/2017

V/v Tranh chấp tiền lương.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Sang

Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Tâm Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15/8/2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2017/TLPT-LĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp tiền lương”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 32/2017/LĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1545/2017/QĐPT-LĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Duy H, sinh năm 1982; cư trú tại: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần T; trụ sở: Đường M, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thủy T – Tổng giám đốc;

Người đại diện hợp pháp của công ty: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; cư trú tại: Đường G, Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 22/01/2016).

- *Người kháng cáo:* ông Phạm Duy H, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Duy H trình bày:

Vào ngày 20/4/2010, ông Phạm Duy H đến làm việc tại Công ty Cổ phần T (Sau đây gọi tắt là công ty). Ngày 03/01/2012 giữa ông H và Công ty ký kết hợp

đồng lao động không xác định thời hạn, chức vụ là giám đốc kinh doanh. Mức lương theo hợp đồng là 6.000.000 đồng/tháng, các khoản phụ cấp khác theo phụ lục hợp đồng là 13.838.000 đồng/tháng và khoản phụ cấp riêng theo thư mời nhận việc ngày 20/4/2010 là 10.000.000 đồng/tháng. Hình thức trả lương bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Ngày 01/6/2014 Công ty T ra quyết định thôi việc đối với ông H với lý do ông H có đơn xin nghỉ việc. Ông H trình bày, hiện nay công ty còn nợ ông 01 năm tiền lương từ tháng 06/2013 đến tháng 6/2014. Ông đã nhiều lần liên hệ yêu cầu công ty thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp nhưng công ty không thực hiện. Do đó ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc công ty trả tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương từ tháng 06/2013 đến tháng 6/2014 là: 19.838.000 đồng x 12 tháng = 238.056.000 đồng.

- Trả tiền phụ cấp riêng theo thư mời nhận việc từ tháng 4/2010 đến tháng 6/2014 là: 10.000.000 đồng x 50 tháng = 500.000.000 đồng.

- Trả lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng ngoại thương Việt Nam quy định vào năm 2014 là 6,5%/năm trên tổng số tiền lương còn nợ là 738.056.000 đồng, tạm tính từ tháng 7/2014 đến tháng 05/2017 là: 148.235.000 đồng.

- Buộc công ty chốt sổ Bảo hiểm xã hội và trả sổ Bảo hiểm xã hội cho ông H đến hết tháng 6/2014.

Đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng lao động, nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện. Vì lý do công ty gặp khó khăn trong kinh doanh nên hiện tại còn nợ ông H 12 tháng tiền lương, Công ty đồng ý trả lãi trên số tiền còn nợ và sẽ thực hiện việc chốt sổ Bảo hiểm xã hội và trả sổ Bảo hiểm xã hội cho ông H ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Về mức lương theo hợp đồng, bị đơn xác định mức lương theo hợp đồng gồm lương cơ bản là 6.000.000 đồng/tháng, các khoản phụ cấp khác là 13.838.000 đồng/tháng, tổng mức lương hàng tháng mà Công ty trả cho ông H là 19.838.000 đồng. Bị đơn không đồng ý trả khoản phụ cấp riêng 10.000.000 đồng/tháng như nguyên đơn yêu cầu vì cho rằng khoản phụ cấp này không được thỏa thuận trong hợp đồng lao động.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 32/2017/LĐ-ST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Q đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 32; Điểm c Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

Căn cứ Điều 90; Điều 96 của Bộ luật lao động; Điều 18 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006;

Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án;

điểm b khoản 4 Phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009).

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Duy H.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần T có trách nhiệm trả cho ông Phạm Duy H số tiền 281.763.000 đồng (Hai trăm tám mươi một triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Công ty Cổ phần T có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Phạm Duy H.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Công ty Cổ phần T phải chịu án phí sơ thẩm là 8.452.890 đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn tám trăm chín mươi đồng).

2.2. Hoàn lại cho ông Phạm Duy H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005048 ngày 14/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Q.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 08/6/2017 nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phạm Duy H là nguyên đơn trình bày:

Tại thư mời nhận việc ngày 20/4/2010, Công ty Cổ phần T có đưa ra điều kiện làm việc là ngoài mức lương chính thức, ông sẽ được hưởng phụ cấp riêng là 10.000.000 đồng/tháng. Sau đó, hai bên có thỏa thuận miệng khi nào ông nghỉ làm thì Công ty mới thanh toán toàn bộ tiền phụ cấp này; tính đến thời điểm ông nghỉ việc tại Công ty vào tháng 6/2014 thì số tiền phụ cấp riêng tổng cộng là 500.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông về việc buộc Công ty phải thanh toán số tiền phụ cấp này, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Do đó ông đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty phải trả cho ông khoản tiền phụ cấp riêng là 500.000.000 đồng cùng lãi suất do vi phạm nghĩa vụ chậm trả.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm ông chấp nhận nên không kháng cáo.

Ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần T trình bày:

Những điều kiện đưa ra tại Thư mời nhận việc chỉ là điều kiện ban đầu, sau khi ký hợp đồng lao động chính thức hai bên đã thỏa thuận lại do đó những điều khoản của thư mời nhận việc đã không còn giá trị. Công ty không đồng ý với kháng cáo của ông H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào hợp đồng lao động, Giấy xác nhận lương thì ông H và Công ty đã thỏa thuận mức lương một tháng là 6.000.000 đồng và phụ cấp là 13.838.000 đồng, không có quy định khoản phụ cấp riêng 10.000.000 đồng. Ông H cho rằng khoản phụ cấp riêng này hai bên chỉ thỏa thuận miệng mà không đưa vào hợp đồng, tuy nhiên phía Công ty không thừa nhận. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H về việc buộc Công ty phải trả cho ông khoản phụ cấp riêng này. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Duy H và Công ty Cổ phần T (sau đây gọi tắt là Công ty) đều thống nhất xác định: vào ngày 01/5/2010 hai bên có ký Hợp đồng lao động với thời hạn một năm theo đó mức lương chính của ông H là 4.000.000 đồng/tháng cùng các khoản phụ cấp được nhận trong một tháng bao gồm phụ cấp chức vụ 3.200.000 đồng, phụ cấp trách nhiệm 2.800.000 đồng, phụ cấp lao động 2.400.000 đồng, phụ cấp kiêm nhiệm 2.600.000 đồng. Sau đó đến ngày 03/01/2012, hai bên ký tiếp Hợp đồng lao động không xác định thời hạn, theo đó mức lương chính của ông H là 6.000.000 đồng/tháng cùng các khoản phụ cấp được nhận trong một tháng bao gồm phụ cấp chức vụ 5.000.000 đồng, phụ cấp trách nhiệm 3.240.000 đồng, phụ cấp lưu động 3.000.000 đồng, phụ cấp kiêm nhiệm 2.598.000 đồng; tổng cộng là 19.838.000 đồng. Đến tháng 6/2014 ông H xin nghỉ việc và được Công ty đồng ý. Tính đến thời điểm nghỉ việc, Công ty còn nợ ông H lương cùng các khoản phụ cấp từ tháng 6/2013 đến tháng 6/2014. Bản án sơ thẩm đã quyết định buộc Công ty phải trả cho ông H số tiền lương còn thiếu tổng cộng là 238.056.000 đồng cùng tiền lãi là 43.707.000 đồng và buộc Công ty thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm xã hội, trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông H. Ông H và Công ty đều xác định không kháng cáo đối với phần quyết định này của bản án sơ thẩm.

[2] Ông H kháng cáo vì cho rằng ngoài các khoản tiền nêu trên, Công ty còn nợ ông khoản tiền phụ cấp riêng 10.000.000 đồng/tháng tính từ tháng 4/2010 đến tháng 6/2014 tổng cộng là 500.000.000 đồng. Chứng cứ mà ông H

đưa ra là tại Thư mời nhận việc ngày 20/4/2010 Công ty đã có đưa ra điều kiện này, Công ty còn thỏa thuận miệng với ông sẽ thanh toán số tiền này khi ông nghỉ việc. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại Thư mời nhận việc ngày 20/4/2010, Công ty còn đưa ra điều kiện mức lương chính thức của ông H khi ký hợp đồng lao động là 15.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên tại Hợp đồng lao động chính thức và phụ lục hợp đồng ký lần đầu vào ngày 01/5/2010 và ký lần thứ hai vào ngày 03/01/2012, ông H và Công ty đã thỏa thuận mức lương chính cùng các khoản phụ cấp hoàn toàn khác với mức lương và phụ cấp mà Thư mời nhận việc đã nêu; không có một điều kiện nào trong Thư mời nhận việc ngày 20/4/2010 được chuyển tiếp sang hợp đồng. Trong suốt thời gian làm việc tại Công ty, ông H không có ý kiến hay khiếu nại về việc không được nhận khoản tiền phụ cấp riêng 10.000.000 đồng này hay không được nhận số tiền lương như Thư mời nhận việc đã đưa ra. Điều này xác định những điều kiện đưa ra tại Thư mời nhận việc là đề nghị ban đầu nhưng khi tiến hành ký hợp đồng lao động chính thức, ông H cùng Công ty đã có sự thỏa thuận mới, những thỏa thuận trước đó không còn giá trị. Ông H không có chứng cứ chứng minh rằng sau khi ký hợp đồng lao động, Công ty có thỏa thuận đồng ý trả khoản phụ cấp 10.000.000 đồng/tháng tính từ tháng 4/2010 cho đến khi ông H nghỉ việc. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông H là có căn cứ, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[3] Ông H không phải nộp án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 90; Điều 96 của Bộ luật Lao động; Điều 18 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Duy H.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần T có trách nhiệm trả cho ông Phạm Duy H số tiền 281.763.000 đồng (Hai trăm tám mươi một triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn đồng), trong đó bao gồm tiền lương chưa trả từ tháng 6/2013 đến tháng 6/2014 là 238.056.000 đồng (hai trăm ba mươi tám triệu không trăm năm mươi sáu ngàn đồng) và tiền lãi đối với khoản tiền lương còn nợ tính từ tháng 7/2014 đến tháng 5/2017 là 43.707.000 đồng (bốn mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Công ty Cổ phần T có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội đến hết tháng 6/2014 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Phạm Duy H.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Duy H buộc Công ty Cổ phần T phải trả khoản tiền phụ cấp riêng tính từ tháng 4/2010 đến tháng 6/2014 tổng cộng là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) cùng tiền lãi tính từ tháng 7/2014 đến tháng 5/2017.

3. Về án phí:

3.1. Công ty Cổ phần T phải chịu án phí sơ thẩm là 8.452.890 đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn tám trăm chín mươi đồng). Hoàn lại cho ông Phạm Duy H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005048 ngày 14/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Q.

3.2. Ông H không phải nộp án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận Q;
- Cục Thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Q;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kim Dung